

Giảm tỷ trọng

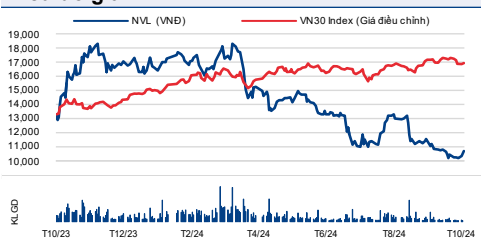
Giá mục tiêu: VNĐ8,700

Tiềm năng tăng/giảm: -18.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/10/2024)	10,700
Mã Bloomberg	NVL VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	10,150-18,300
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	10,467
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	20,866
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	824
Sig CP lưu hành (tr.đv)	1,950
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	956
Sig CP NN được mua (tr.đv)	878
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	3.97%
Tỷ lệ freefloat	68.2%
Cổ đông lớn	Chủ tịch (17.9%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	4,757	5,312	6,616
EBITDA đc (tỷ đồng)	(799)	(3,490)	(1,029)
LNTT (tỷ đồng)	1,999	(6,805)	(1,807)
LNT ĐC (tỷ đồng)	606	(6,805)	(1,807)
FCF (tỷ đồng)	(7,639)	(3,296)	761
EPS ĐC (đồng)	291	(3,273)	(869)
DPS (đồng)	-	-	-
BVPS (đồng)	19,510	16,020	15,094
T.trưởng EBITDA (%)	(150)	(337)	70.5
T.trưởng EPS ĐC (%)	(72.0)	(1,224)	73.5
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	(16.8)	(65.7)	(15.5)
Tỷ suất LNTT (%)	42.0	(128)	(27.3)
Tỷ suất LNT ĐC (%)	12.7	(128)	(27.3)
Tỷ lệ LN trả CT (%)	-	-	-
Nợ thuần/VCSH (%)	193	233	240
ROAE (%)	1.60	(19.6)	(5.95)
ROACE (%)	(0.27)	(2.15)	(0.49)
EV/doanh thu (lần)	15.8	14.8	11.7
EV/EBITDA ĐC (lần)	(94.0)	(22.5)	(75.5)
P/E ĐC (lần)	36.7	N/a	N/a
P/B (lần)	0.55	0.67	0.71
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

NVL là nhà phát triển khu dân cư phân khúc trung cấp đến cao cấp uy tín tại TP.HCM. Công ty cũng mở rộng sang phát triển các thành phố vệ tinh & BDS nghỉ dưỡng

Chuyên viên phân tích

Đoàn Bảo Anh Tuấn

Chuyên Viên, Ngành Bất Động Sản
tuan.dba@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 172

Hồ Thị Kiều Trang, CFA

Giám đốc, Ngành Bất Động Sản
trang.htk@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 129

Doanh thu HĐ tài chính đầy nghi vấn trở lại

- NVL đã công bố KQKD Q3/2024 (chưa kiểm toán) vào ngày 29/10/2024, với LNST của Công ty mẹ đạt 3.119 tỷ đồng (tăng 2.057% so với cùng kỳ và so với khoản lỗ 6.657 tỷ đồng trong Q2/2024). Nguyên nhân chủ yếu là do ghi nhận khoản doanh thu HĐ tài chính đáng kể. NVL đã đưa khoản doanh thu này từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh vào KQKD Q2/2024 (chưa kiểm toán) nhưng đã bị kiểm toán viên loại trừ trong BCTC đã soát xét. Do đó, HSC vẫn còn hoài nghi về tính hợp lệ của khoản doanh thu này.
- Vào cuối kỳ, dư nợ thuần của NVL tăng nhẹ 2,7% so với đầu năm. Công ty tiếp tục làm việc với các chủ nợ để gia hạn thời hạn trả nợ.
- HSC duy trì khuyến nghị Giảm tỷ trọng với giá mục tiêu 8.700đ. Chúng tôi tiếp tục nhận thấy những thách thức về pháp lý và tài chính ngày càng tăng đang làm xói mòn khả năng tồn tại của NVL.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2024

NVL đã công bố KQKD Q3/2024 với doanh thu đạt 2.012 tỷ đồng (tăng 26,7% so với quý trước và 87,4% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần đạt 3.120 tỷ đồng (tăng gấp 17 lần so với cùng kỳ và so với khoản lỗ 6.657 tỷ đồng trong Q2/2024).

Lợi nhuận thuần thực hiện vượt dự báo của HSC nhưng chủ yếu là do khoản lợi nhuận HĐ tài chính 3,9 nghìn tỷ đồng, đa phần là lợi nhuận từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh. Ban đầu, công ty đã cố gắng đưa khoản mục này vào BCTC chưa kiểm toán Q2/2024 nhưng sau đó đã bị loại bỏ theo yêu cầu của kiểm toán viên do vấn đề thời gian trong báo cáo đã kiểm toán. Chúng tôi vẫn còn nghi vấn về khoản mục này và sẽ phải chờ BCTC kiểm toán năm 2024 để xác nhận tính hợp lệ của nó.

Nếu không tính đến các khoản mục không thường xuyên ước tính khoảng 3,3 nghìn tỷ đồng (so với lãi 158 tỷ đồng trong Q3/2023), lợi nhuận HĐKD cốt lõi đạt khoảng 466 tỷ đồng so với khoản lỗ 4.031 tỷ đồng trong Q2/2024 và khoản lợi nhuận 44 tỷ đồng trong Q3/2023.

Nhìn chung, kết quả doanh thu và lỗ thuần này đã đạt lần lượt 80,9% và 60,3% dự báo cho cả năm 2024 của HSC.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/10.

(Xem tiếp trang 2)

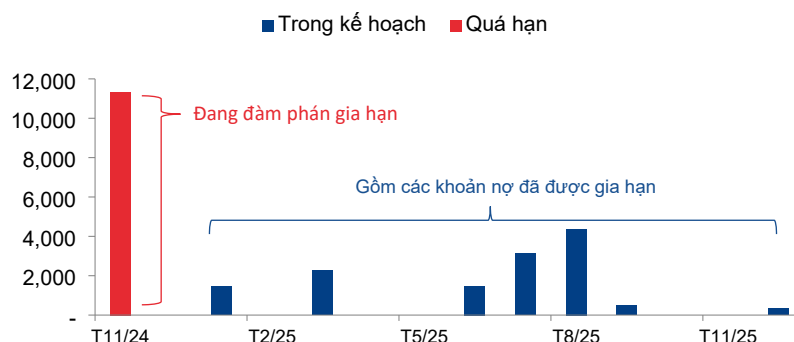
Bảng 1: KQKD Q3/2024 và 9 tháng đầu năm 2024, NVL

Tỷ đồng	Q3/23	Q3/24	% y/y	9T23	9T24	% y/y
Doanh thu thuần	1,073	2,010	87.3%	2,731	4,295	57.3%
Lợi nhuận gộp	342	545	59.6%	819	(1,858)	-327.0%
Doanh thu tài chính	2,230	3,898	74.8%	3,916	5,343	36.4%
Chi phí tài chính	(1,900)	(319)	-83.2%	(3,606)	(3,456)	-4.1%
Chi phí bán hàng	(63)	(104)	66.5%	(143)	(246)	71.7%
Doanh thu thuần	(284)	(355)	24.9%	(1,036)	(1,055)	1.9%
Lợi nhuận gộp	326	3,666	1023.3%	(44)	(1,269)	2759.8%
Doanh thu tài chính	158	(88)	-155.7%	182	(1,834)	-1105.4%
Chi phí tài chính	484	3,578	638.6%	138	(3,104)	-2348.0%
Chi phí bán hàng	137	2,950	2057.4%	(927)	(4,377)	372.1%
Lợi nhuận thuần	171	3,120	1729.8%	(811)	(4,104)	406.1%
Các khoản mục ròng không thường xuyên	126	2,654	1998.6%	146.0	(0.2)	-100.1%
"Lợi nhuận cốt lõi"	44	466	958.1%	(957)	(4,104)	328.9%

Nguồn: NVL, HSC

Biểu đồ 2: Nợ tài chính thực tế của NVL theo tháng, tỷ đồng

11,3 nghìn tỷ đồng nợ quá hạn (chiếm 1/3 tổng nợ) tiếp tục gây ra áp lực với số tiền mặt chỉ 2,1 nghìn tỷ đồng



Nguồn: NVL, HSC

Tình hình nợ không có nhiều thay đổi

Tình hình nợ của Công ty vẫn còn nhiều khó khăn, với tổng nợ phải trả là 191 nghìn tỷ đồng (giảm 4,7% so với quý trước và 6,8% so với cùng kỳ), nhưng phân tích kỹ hơn cho thấy nợ tài chính thực tế của Công ty tăng nhẹ lên mức 59,8 nghìn tỷ đồng (tăng 1% so với quý trước và 1,5% so với cùng kỳ). Tổng số nợ quá hạn mà Công ty đang đàm phán với chủ nợ để gia hạn thời hạn trả nợ vẫn ở mức đáng kể là 11,3 nghìn tỷ đồng.

Dự án Grand Manhattan bị trì hoãn

Novaland đã thông báo hoãn bàn giao dự án Grand Manhattan tại TP.HCM. Sự chậm trễ này, do những khó khăn về giấy phép và phí sử dụng đất, đã đẩy thời gian hoàn thành dự kiến sang nửa cuối năm 2025 (thay vì Q4/2024 như kế hoạch ban đầu).

Được phát triển bởi Novaland và CTCP Phát triển Đất Việt, dự án này hứa hẹn mang đến trải nghiệm sống cao cấp với quy mô 14.000m², trải dài trên hai mặt tiền đường Cô Bắc và Cô Giang. Tuy nhiên, quá trình phát triển dự án đã gặp phải nhiều khó khăn. Sau khi lên đến tầng 28, việc xây dựng đã bị dừng đột ngột do vướng mắc về giấy phép đầu tư và phí sử dụng đất – những vấn đề vẫn còn là thách thức lớn cho tới thời điểm hiện tại.

Lưu ý, trong quá trình tái cấu trúc nợ gần đây, Novaland đã đề xuất sử dụng chính dự án này để thanh toán một phần khoản nợ trái phiếu trị giá gần 3,1 nghìn tỷ đồng nhưng không thành công.

Xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu, dự báo

HSC đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo của mình trong khi chờ phân tích thêm KQKD và triển vọng của NVL.

Lưu ý, chúng tôi đang dự báo khoản lỗ của NVL sẽ thu hẹp dần mỗi năm trong giai đoạn 2024-2026 do chi phí tài chính và chi phí hoạt động cao trong bối cảnh không có doanh thu từ bàn giao BĐS, đặc biệt là cho năm 2024 do trích lập dự phòng tăng cho dự án Lakeview City. HSC dự báo khoản lỗ lần lượt là 6,8 nghìn tỷ đồng, 1,8 nghìn tỷ đồng và 1,0 nghìn tỷ đồng cho giai đoạn 2024-2026.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	11,134	4,757	5,312	6,616	9,142
Lợi nhuận gộp	4,251	1,322	(1,409)	1,274	2,307
Chi phí BH&QL	(2,496)	(1,782)	(1,742)	(1,963)	(2,274)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	1,755	(460)	(3,150)	(689)	33.1
Lãi vay thuần	856	1,884	(1,614)	(1,117)	(1,088)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	3.62	(152)	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	1,367	726	(2,041)	0	0
LNTT	3,982	1,999	(6,805)	(1,807)	(1,055)
Chi phí thuế TNDN	(1,801)	(1,513)	0	0	0
Lợi ích cổ đông thiểu số	(19.5)	120	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	2,162	606	(6,805)	(1,807)	(1,055)
Lợi nhuận thuần ĐC	2,162	606	(6,805)	(1,807)	(1,055)
EBITDA ĐC	1,590	(799)	(3,490)	(1,029)	(306)
EPS (đồng)	1,109	311	(3,490)	(926)	(541)
EPS ĐC (đồng)	1,040	291	(3,273)	(869)	(507)
DPS (đồng)	-	-	-	-	-
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,950	1,950	1,950	1,950	1,950
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,950	1,950	1,950	1,950	1,950
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,079	2,079	2,079	2,079	2,079

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	8,600	3,413	1,657	1,030	476
Đầu tư ngắn hạn	327	43.5	43.5	43.5	43.5
Phải thu khách hàng	52,982	47,011	49,634	42,698	42,532
Hàng tồn kho	134,485	138,935	137,103	148,345	154,042
Các tài sản ngắn hạn khác	1,882	1,752	3,844	4,228	4,651
Tổng tài sản ngắn hạn	198,276	191,155	192,281	196,344	201,744
TSCĐ hữu hình	3,855	2,332	2,237	2,141	2,045
TSCĐ vô hình	83.2	69.8	56.5	43.2	29.8
Bất động sản đầu tư	3,145	5,543	5,500	5,457	5,417
Đầu tư dài hạn	33.8	305	305	305	305
Đầu tư vào Cty LD,LK	1,582	1,423	1,423	1,423	1,423
Tài sản dài hạn khác	50,390	40,659	30,961	33,563	39,028
Tổng tài sản dài hạn	59,089	50,332	40,482	42,932	48,249
Tổng cộng tài sản	257,365	241,486	232,763	239,277	249,993
Nợ ngắn hạn	25,517	30,937	34,021	36,515	36,228
Phải trả người bán	10,453	9,877	10,165	10,021	9,588
Nợ ngắn hạn khác	21,625	26,266	26,787	27,296	29,502
Tổng nợ ngắn hạn	74,421	87,283	93,428	94,758	94,868
Nợ dài hạn	39,060	26,775	25,232	21,350	17,924
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	12,615	13,708	13,708	13,708	13,022
Nợ dài hạn khác	86,228	68,157	61,636	72,509	88,280
Tổng nợ dài hạn	137,903	108,639	100,576	107,567	119,227
Tổng nợ phải trả	212,436	196,184	194,266	202,586	214,357
Vốn chủ sở hữu	37,543	38,047	31,242	29,435	28,380
Lợi ích cổ đông thiểu số	7,386	7,256	7,256	7,256	7,256
Tổng vốn chủ sở hữu	44,930	45,303	38,498	36,691	35,636
Tổng nợ phải trả và VCSH	257,365	241,486	232,763	239,277	249,993
BVPS (đ)	19,252	19,510	16,020	15,094	14,553
Nợ thuần*/(tiền mặt)	55,977	54,300	57,596	56,835	53,677

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	1,755	(460)	(3,150)	(689)	33.1
Khấu hao	165	339	339	339	339
Lãi vay thuần	856	1,884	(1,614)	(1,117)	(1,088)
Thuế TNDN đã nộp	(694)	(416)	0	0	0
Thay đổi vốn lưu động	1,119	(6,096)	7,203	6,047	7,575
Khác	1,111	3,776	(1,477)	1,481	1,458
LCT thuần từ HKKD	(3,047)	(7,626)	(3,957)	101	2,501
Đầu tư TS dài hạn	(294)	(12.8)	661	660	657
Góp vốn & đầu tư	(20,046)	0	0	0	0
Thanh lý	7,830	8,279	0	0	0
Khác	4,544	(1,118)	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(7,965)	7,149	661	660	657
Cổ tức trả cho CSH	(0.00)	(0.03)	0	0	0
Thu từ phát hành CP	251	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	2,112	(4,710)	1,541	(1,388)	(3,713)
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	2,363	(4,710)	1,541	(1,388)	(3,713)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	17,249	8,600	3,413	1,657	1,030
LCT thuần trong kỳ	(8,649)	(5,188)	(1,755)	(628)	(554)
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.04)	0.00	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	8,600	3,413	1,657	1,030	476
Dòng tiền tự do	(3,341)	(7,639)	(3,296)	761	3,158

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	38.2	27.8	(26.5)	19.3	25.2
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	14.3	(16.8)	(65.7)	(15.5)	(3.35)
Tỷ suất LNT (%)	19.4	12.7	(128)	(27.3)	(11.5)
Thuế TNDN hiện hành (%)	45.2	75.7	0	0	0
Tăng trưởng doanh thu (%)	(25.3)	(57.3)	11.7	24.5	38.2
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(50.9)	(150)	(337)	70.5	70.2
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(33.0)	(72.0)	(1,224)	73.5	41.6
Tăng trưởng EPS (%)	(39.0)	(72.0)	(1,224)	73.5	41.6
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(40.6)	(72.0)	(1,224)	73.5	41.6
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-	-	-
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	5.96	1.60	(19.6)	(5.95)	(3.65)
ROACE (%)	1.05	(0.27)	(2.15)	(0.49)	0.02
Vòng quay tài sản (lần)	0.05	0.02	0.02	0.03	0.04
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	(1.74)	16.6	1.26	(0.15)	75.5
Số ngày tồn kho	7,132	14,764	7,446	10,136	8,226
Số ngày phải thu	2,810	4,996	2,696	2,918	2,271
Số ngày phải trả	554	1,050	552	685	512
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	192	193	233	240	233
Nợ/tài sản (%)	31.3	31.8	32.0	29.9	26.6
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	(1.95)	(0.62)	0.03
Nợ/EBITDA (lần)	50.7	(96.1)	(21.4)	(69.6)	(217)
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.66	2.19	2.06	2.07	2.13
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	6.90	15.8	14.8	11.7	8.15
EV/EBITDA ĐC (lần)	48.3	(94.0)	(22.5)	(75.5)	(243)
P/E (lần)	9.65	34.5	N/a	N/a	N/a
P/E ĐC (lần)	10.3	36.7	N/a	N/a	N/a
P/B (lần)	0.56	0.55	0.67	0.71	0.74
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn